TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Đinh Tuấn Đạt.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, *tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 506/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 19...; địa chỉ cư trú tại số nhà ..., thôn Hiệp Nhơn, xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp ..., xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 25/10/2018 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ, huyện Tân Phú vào năm 2009. Từ năm 2015 bị đơn không làm đầy đủ trách nhiệm của người chồng, khi ăn uống rượu, bia rồi có những lời nói không đúng với nguyên đơn gây ra mâu thuẫn vợ chồng nên các đương sự đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Các đương sự có 02 người con là Lê Minh T, sinh ngày 10/11/... và Lê Minh Đ, sinh ngày 15/5/..., các con đang được bị đơn nuôi dưỡng, đồng ý để bị đơn tiếp tục nuôi các con.

Vợ chồng các đương sự không có nợ chung, tài sản chung không có tranh chấp tự giải quyết.

Vợ chồng không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

* Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng để trình bày ý kiến và cũng không gửi tài liệu, chứng cứ đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và đã thông báo về việc thu thập được chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Nguyên đơn không bổ sung chứng cứ; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tống đạt theo quy định của pháp luật.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét tình trạng vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1 Điều 203, 205, 227 khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với Lê Văn Th; giao các con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H; về tài sản chung, nợ chung: Giải quyết khi đương sự có yêu cầu; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn nuôi dưỡng con nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Trà Cổ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân gia đình của các đương sự được xác lập năm 2009, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa các đương sự được coi là hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Các đương sự sống chung có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng, các đương sự không còn sống chung từ năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ nêu trên, kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các con của các đương sự được bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn đồng ý bị đơn tiếp tục nuôi các con.

Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ vụ án, các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Văn Th.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với Lê Minh T, sinh ngày 10/11/... và Lê Minh Đ, sinh ngày 15/5/... (bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006181 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính